TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Vũ Quyền Lương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 2 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1984
HKTT: 40, tổ 16, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Tạm trú: 46Y, tổ 9C, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 40, tổ 16, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 11/12/2019, bản tự khai nguyên đơn Vũ Thị L trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù, đã nhiều lần bà và ông H ngồi lại để hòa giải hàn gắn gia đình nhưng không được, bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến hiện nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, là vợ chồng nhưng không ai còn quan tâm cuộc sống của nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/12/2013. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Tạm thời, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày:

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:*

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông H, về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/12/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Bà và ông H tự thoả thuận; nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, ông H vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh H căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Minh H hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 16/6/2020 nguyên đơn bà Vũ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn được bà L viết và nộp tại Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn ông Nguyễn Minh H tại phường P xác định hiện nay ông H cư trú tại địa chỉ số 40, tổ 16, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông H.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2010 nên áp dụng các Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà L xác định không còn tình cảm với ông H, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 22/5/2020 nơi bà L và ông H sinh sống trước đây xác định giữa bà L và ông H có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được.

Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại phường P ngày 22/5/2020, xác định hiện nay ông H cư trú tại địa phương nên đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông H có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/12/2013. Hiện nay cháu L sống cùng bà L. Ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của bà L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, con chung hiện nay đang sống cùng bà L, bà L vẫn chăm sóc tốt cho con chung nên việc giao cháu L cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết.

Về tài sản chung: Bà L khai bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông H vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông H vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ Hoàng L, sinh ngày 02/12/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà L khai bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông H vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông H vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số 0007965 ngày 08/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Trí